TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2022
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mẫn
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Ri ềng:*** *Không tham gia phiên tòa*

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 214/2022/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2022 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 79/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa :

1.Nguyên đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

2.Bị đơn: Chị Huỳnh Kim L, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2022 nguyên đơn anh Trương Văn C trình bày: Anh và chị L trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 13/10/2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2021 cho đến nay. Nay anh thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L; Về con chung: Không có; Về

tài sản chung ; nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 13/5/2022 chị Huỳnh Kim L trình bày: Chị và anh C tổ chức đám cưới vào năm 1998, cho đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn, quá trình sống chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thể dung hòa được, đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng không có kết quả. Nay anh C xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn nhưng do điều kiện đi làm ăn xa, chị không về Tòa án để tiến hành hòa giải được; Về con chung: không có; Về tài sản chung; nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cứ căn cứ vào hồ để giải quyết chị không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Trương Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn" giữa anh và chị L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Trương Văn C và chị Huỳnh Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh Cg và chị L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặ t đối với anh C, chị L.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Trương Văn C và chị Huỳnh Kim L trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh K vào ngày 13/10/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, vợ chồng đã rất nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay, giữa anh C và chị L không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai lấy sống. Nay anh C và chị L thấy rằng mâu thuẫn giữa anh và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho anh Trương Văn C được ly hôn với chị Huỳnh Kim L.

{2.2} Về con chung: Không có

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Văn C phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 5982 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Trương Văn C được ly hôn với chị Huỳnh Kim L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về á n phí : Án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Văn C phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 5982 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh C đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục thi hành án*
- *Đương sự*
- *UBND xã*
- *Lưu HS, VP*